Tuần 19

Ngày soạn: 09/01/2023

Ngày dạy: 12/01/2023

Tiết 19 Bài 14 **ĐÔNG NAM Á- ĐẤT LIỀN VÀ HẢI ĐẢO**

**I. MỤC TIÊU**

**1. Kiến thức:**

**-** Trình bày được những đặc điểm nổi bật về vị trí, giới hạn và các tự nhiên của khu vực Đông Nam Á.

**2. Kĩ năng:** Rènkĩ năng:

**-** Phân tích lược đồ, bản đồ và biểu đồ để nhận biết vị trí khu vực ĐNÁ trong châu lục và trên thế giới, rút ra ý nghĩa của vị trí cầu nối của khu vực về kinh tế và quân sự.

- Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên để giải thích một số đặc điểm về khí hậu, chế độ nước sông và cảnh quan khu vực.

**3. Thái độ:** Có thái độ khách quan, khoa học khi giải thích những đặc điểm tự nhiên một khu vực, có thái độ bảo vệ môi trường.

**4. Định hướng phát triển năng lực:**

**-** Nănglực chung: tự học, hợp tác,..

**-** Năng lực riêng: sử dụng bản đồ, lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,..

**5. Định hướng phát triển phẩm chất**

- Trung thực, ham tìm tòi, học hỏi

**II. PHƯƠNG PHÁP:**

- Vấn đáp, phân tích, diễn giải

**III. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH**

**1. Đối với giáo viên:**

- Một số lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,...

- Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa Pa-đăng và Y-an- gun (phóng to)

- Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á, châu Á

**2. Đối với học sinh:**

- Sách vở, đồ dùng học tập

- Chuẩn bị bài trước và trả lời các câu hỏi SGK

**IV.** **TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG HỌC TẬP**

**1. Ổn định tổ chức:**

**2. Kiểm tra bài cũ:**

**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG (3 phút)**

**1. Mục tiêu:**

- HS được hiểu biết về vị trí khu vực và ý nghĩa của vị trí cầu nối ảnh hưởng đến đặc điểm tự nhiên. Từ đó tạo hứng thú yêu quê hương đất nước

**2**. **Phương pháp - kỹ thuật**: Vấn đáp, trực quan qua bản đồ, biểu đồ,...

**3. Phương tiện:**

**-** Một số lược đồ, biểu đồ, tranh ảnh,...

- Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa Pa-đăng và Y-an- gun (phóng to)

- Bản đồ tự nhiên khu vực Đông Nam Á

**4. Các bước hoạt động:**

**B1:** GV giao nhiệm vụ:

HS quan sát bản đồ châu Á và cho biết: khu vực nào của châu Á có vị trí là cầu nối giữa Đại dương và châu lục.

**B2:** HS quan sát bản đồ và bằng hiểu biết để trả lời

**B3**: HS báo cáo kết quả ( HS trả lời – HS khác nhận xét)

**B4**: GV dẫn dắt vào bài. Với vị trí đó có ảnh hưởng như thế nào đến các đặc điểm tự nhiên của khu vực. Bài học hôm nay cô cùng các em tìm hiểu .

**B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI**

**HOẠT ĐỘNG 1: Tìm hiểu vị trí và giới hạn khu vực ĐNÁ**

- Mục tiêu: Trình bày được được ĐNÁ gồm bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai, là cầu nối giữa ÂĐD và TBD. Ý nghĩa quan trọng về kinh tế và quốc phòng

- Phương pháp – kỹ thuật dạy học: Phương pháp sử dụng bản đồ, lược đồ SGK, vấn đáp.

- Hình thức tổ chức : cá nhân

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò** | **Nội dung** |
| **B1**: GV Y/cầu HS quan sát H14.1 và H14.2 SGK:  - Cho biết vị trí, giới hạn của khu vực ĐNÁ, xác định trên bản đồ.  - Nêu ý nghĩa vị trí địa lý của khu vực Đông Nam Á?  **B2:** HS: Thực hiện nhiệm vụ, trao đổi kết quả làm việc và lên xác định trên bản đồ.  **B3**: Trình bày trước lớp, các HS khác nhận xét  **B4**: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức | **1/ Vị trí và giới hạn của khu vực ĐNÁ:**  **-**ĐNÁ gồm bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai  - Là cầu nối giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương, giữa châu Á và Châu Đại Dương  \* Ý nghĩa: quan trọng về kinh tế và quân sự |

**HOẠT ĐỘNG 2: Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên**

**- Mục tiêu:** Nêu được đặc điểm địa hình, khí hậu, sông ngòi, cảnh quan của bán đảo Trung Ấn và quần đảo Mã Lai

**- Phương pháp - kỹ thuật dạy học**: sử dụng bản đồ, lược đồ H14.1 và H14.2 (2 biểu đồ), SGK, thảo luận nhóm.

**- Hình thức tổ chức:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của thầy và trò:** | **Ghi bảng:** |
| **B1:** GV: Giao nhiệm vụ cho hs như sau:  -Dựa vào H14.1 và H14.2( 2 biểu đồ) hoàn thành nội dung trong bảng mẫu sau: (5’)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Yếu tố TN | Bán đảo Trung Ấn | Quần đảo Mã Lai | | Địa hình |  |  | | Khí hậu |  |  | | Sông ngòi |  |  | | Cảnh quan |  |  |   ? Dựa vào H14.1 và thông tin SGK tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của bán đảo Trung Ấn  ? Dựa vào H14.1và 2 biểu đồ H14.2 tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của quần đảo Mã Lai.  **B2:** HS: Thực hiện nhiệm vụ  **B3**: Trình bày trước lớp  **B4**: GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức  \*Liên hệ các trận động đất, núi lửa xảy ra ở khu vực Đông Nam Á trong những năm qua.  \* Lồng ghép giáo dục HS có ý thức bảo vệ môi trường . | **2/ Đặc điểm tự nhiên:** |

**\* Nội dung ghi bảng**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **yếu tố TN** | **Bán đảo Trung Ấn** | **Quần đảo Mã Lai** |
| **Địa hình** | - Chủ yếu là núi cao hướng B-N, ĐB-TN, các cao nguyên thấp  - Các thung lũng sông chia cắt địa hình  - Đồng bằng màu mỡ phân bố ở hạ lưu sông, ven biển, dân cư đông đúc nguồn lao động dồi dào | - Hệ thống núi vòng cung, nhiều núi lửa  - Đồng bằng ven biển |
| **Khí hậu** | Nhiệt đới gió mùa, bão mùa hè thu  (Y-an-gun) | Xích đạo và nhiệt đới gió mùa (Pa-đăng), nhiều bão |
| **Sông ngòi** | Sông ngòi phát triển, có nhiều sông lớn: sông Hoàng Hà, Mê Công, chế độ nước phụ thuộc vào mùa mưa | Ngắn dốc, nhỏ, chế độ nước điều hòa, có giá trị thuỷ điện |
| **Cảnh quan** | Rừng nhiệt đới và rừng thưa, xa van | Rừng rậm 4 mùa xanh quanh năm |

**C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP:**

Gọi 2 HS lên xác định trên bản đồ vị trí, giới hạn khu vực ĐNÁ và các con sông lớn trên bán đảo Trung Ấn.

**D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG, MỞ RỘNG:**

**-** Ở địa phương em, sông ngòi có đặc điểm như thế nào? Cho biết những thuận lợi và khó khăn của chúng đối với sản xuất và đời sống?

\*HƯỚNG DẪN TỰ HỌC:

Chuẩn bị bài 15: **ĐẶC ĐIỂM DÂN CƯ, XÃ HỘI ĐÔNG NAM Á**

-Tìm hiểu đặc điểm dân cư